ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẦN MỞ ĐẦU

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là Ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện các hoạt động ngân hàng, kinh doanh tiền tệ và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo Quy định của pháp luật vì mục đích lợi nhuận, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của NHNN Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng quyết định thông qua theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ HDBank, đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và các quy định pháp luật có liên quan hiện hành.

Điều lệ này bao gồm 23 Chương, 94 Điều.

Chương 1

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. ***Trong Điều lệ này, những thuật ngữ nằm trong ngoặc kép dưới đây sẽ được hiểu như sau:***

   a. "***Vốn điều lệ***" Vốn điều lệ của Ngân hàng là vốn đã được chủ sở hữu thực cấp hoặc vốn đã được các cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ Ngân hàng.

   b. "***Luật Doanh nghiệp***" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

   c. ***"Luật Chứng khoán"*** là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

   d. "***Luật Các tổ chức tín dụng***" có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

   e. "***Ngày thành lập***" là ngày Ngân hàng được cấp Giấy phép thành lập lần đầu tiên.

   f. "***Người quản lý ngân hàng***" bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo Điều lệ này quy định.

g. "***Người điều hành ngân hàng***" bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng[1].

h. "***Công ty mẹ***" có nghĩa là một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác ("*Công ty con*") nếu công ty đó thuộc một trong các trường hợp sau đây[2]:

   i. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó;

   ii. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty;

   iii. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;

   iv. Có quyền trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.

i. "***Người có liên quan***" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây[3]:

   i. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

   ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

   iii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

   iv. Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;

   v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại tiết (iv) điểm này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

   vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

---

[1] Khoản 32 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[2] Khoản 30 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[3] Khoản 28 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng).

vii. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.

j. ***"Người có quan hệ gia đình"*** bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng[4].

k. "***Công ty con của Ngân hàng***[5]" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty con;

ii. Ngân hàng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc của công ty con;

iii. Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con;

iv. Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

l. "***Công ty liên kết của Ngân hàng***[6]" là công ty trong đó Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.

m. "***Việt Nam***" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

n. "***Cổ phiếu***" là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.

o. "***Cổ đông sáng lập***" là cổ đông góp vốn thành lập tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng.

p. "***Cổ đông lớn***" là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng[7].

q. "***Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị***" là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Điều lệ này.

r. "***Tổ chức lại Ngân hàng***" là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

---

[4] Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.
[5] Khoản 30 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[6] Khoản 29 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[7] Khoản 26 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

s. ***"Can thiệp sớm"*** là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu Ngân hàng khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 14 của Điều lệ này[8].

t. ***"Kiểm soát đặc biệt"*** là việc đặt Ngân hàng dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương 20 của Điều lệ này[9].

u. ***"Phương án cơ cấu lại Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt"*** (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại) là một trong các phương án sau đây[10]:

i. Phương án phục hồi;

ii. Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần;

iii. Phương án giải thể;

iv. Phương án chuyển giao bắt buộc;

v. Phương án phá sản.

v. ***"Phương án phục hồi"*** là phương án áp dụng các biện pháp để Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt tự khắc phục tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt[11].

w. ***"Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp"*** là phương án áp dụng khi có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt[12].

x. ***"Phương án chuyển giao bắt buộc"*** là phương án cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần cho bên nhận chuyển giao[13].

y. ***"Bên nhận chuyển giao"*** là Ngân hàng trong trường hợp đề nghị được nhận chuyển giao bắt buộc đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định được nhận chuyển giao bắt buộc[14].

z. "***Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng***" là những người do Hội đồng quản trị của Ngân hàng cử theo quy định tại Điều lệ này làm đại diện và/hoặc tham gia điều hành các Công ty có liên quan mà Ngân hàng là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn hoặc cổ đông và báo cáo về việc điều hành đó cho Ngân hàng.

aa. "***Điều lệ***" hoặc "***Điều lệ này***" là bản Điều lệ này, bao gồm cả các bản Điều lệ sửa đổi và bổ sung sau này (nếu có).

bb. "***Giấy tờ pháp lý của cá nhân***" là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp.

---

[8] Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[9] Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[10] Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[11] Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[12] Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[13] Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[14] Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

cc. "***Giấy tờ pháp lý của tổ chức***" là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

dd. "***Địa chỉ liên lạc***" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn các luật này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương 2

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa chỉ, hình thức, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và con dấu của Ngân hàng

1. ***Tên ngân hàng***

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank
- Tên viết tắt : HDBank

2. ***Trụ sở chính đăng ký của Ngân hàng***

- Địa chỉ : 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 6291 5916
- Fax : 028 6291 5900
- E-mail : ho@hdbank.com.vn
- Website : www.hdbank.com.vn

3. Ngân hàng là Ngân hàng thương mại cổ phần có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là: Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo cơ chế ủy quyền nội bộ do Hội đồng quản trị Ngân hàng quy định để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Văn bản ủy quyền phải nêu rõ phạm vi đại diện theo ủy quyền, thời hạn đại diện. Người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện.

5. Các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Ngân hàng được thành lập theo sự cho phép của NHNN và được thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng.
   Ngân hàng có thể thành lập Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác khi được các cơ quan có thẩm quyền và NHNN cho phép theo quy định của pháp luật[15].

6. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

7. Ngân hàng có con dấu riêng, được lưu giữ bảo quản và sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chương 3

MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, PHẠM VI VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng

Ngân hàng hướng đến phát triển cung cấp các sản phẩm tài chính ngân hàng đa dạng, tiện ích cho tất cả các đối tượng khách hàng trong và ngoài nước, thực hiện mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng và có giá trị cao trên thị trường; thực hiện các nội dung yêu cầu chung của Chính phủ, NHNN trong mục tiêu xây dựng, vận hành và đảm bảo hệ thống kinh tế, tài chính tiền tệ quốc gia lành mạnh và phát triển bền vững. Ngân hàng thực hiện tất cả các chiến lược cần thiết để phát triển nhanh, bền vững, có lợi nhuận cao trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông cũng như với xã hội.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

Ngân hàng được tiến hành các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được NHNN cấp cho Ngân hàng[16].

Điều 5. Nội dung hoạt động của Ngân hàng[17]

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.

3. ***Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây***:
   a. Cho vay;
   b. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

[15] Điều 30 Luật Các tổ chức tín dụng.
[16] Điều 8, Điều 90 Luật Các tổ chức tín dụng.
[17] Từ Điều 98 đến 107, Điều 132, Điều 140 Luật Các tổ chức tín dụng.

c. Bảo lãnh ngân hàng;

d. Phát hành thẻ tín dụng;

e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép;

f. Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. ***Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:***

a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận.

7. ***Vay vốn của NHNN***

Ngân hàng được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.

8. ***Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính***

Ngân hàng được vay vốn của tổ chức tín dụng khác, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

9. ***Mở tài khoản***[18]

a. Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc. Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Chi nhánh NHNN Tỉnh, Thành phố, nơi đặt trụ sở của Chi nhánh.

b. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

c. Ngân hàng được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

10. ***Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán***

a. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

b. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận.

11. ***Tham gia thị trường tiền tệ***

Ngân hàng được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

12. ***Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh***

[18] Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng.

a. Ngân hàng thương mại được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:
   i. Ngoại hối;
   ii. Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

b. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

*13. **Nghiệp vụ ủy thác và đại lý***

Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN.

Được ủy thác và nhận ủy thác cho vay theo quy định của NHNN.

*14. **Kinh doanh bất động sản***

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

a. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;

b. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;

c. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với Ngân hàng.

15. **Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng**

a. Dịch vụ quản lý tiền mặt, dịch vụ môi giới tiền tệ, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

b. Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

c. Mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán trái phiếu với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; mua trái phiếu với mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN.

d. Hoạt động mua nợ.

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần[19]

1. Ngân hàng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này và tuân thủ các giới hạn để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

[19] Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị Định 93/2017/NĐ-CP.

a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

b. Cho thuê tài chính;

c. Bảo hiểm.

3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản[20], kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.

5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN và tuân thủ điều kiện, thủ tục và trình tự theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.

7. Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của Ngân hàng[21].

Điều 7. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

1. Ngân hàng được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng.

2. Ngân hàng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.

3. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

4. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì Ngân hàng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của Ngân hàng thực hiện theo quy định của NHNN.

5. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

---

[20] Khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[21] Khoản 5 Điều 129 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Ngân hàng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 8. Bảo đảm an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI của Luật Các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương 4

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Vốn điều lệ[22]

1. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Ngân hàng phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
3. ***Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được tăng từ các nguồn sau***:
   a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
   b. Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
   c. Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
   d. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
   e. Vốn do cổ đông góp thêm;
   f. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
4. ***Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích***:
   a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỷ lệ quy định của NHNN.
   b. Thành lập, tham gia góp vốn thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết; góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
   c. Cấp tín dụng cho khách hàng.
   d. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thay đổi Vốn Điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng có hiệu lực trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu

[22] Điều 29 TT 40/2011/TT-NHNN.

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được NHNN chấp thuận, văn bản trên hết hiệu lực pháp lý.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.

3. Sau khi hoàn tất việc thay đổi mức vốn điều lệ, Ngân hàng có văn bản báo cáo NHNN về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ, đính kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mức vốn điều lệ mới kèm danh sách cổ đông; đồng thời gửi NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở hoạt động toàn bộ các văn bản này.

4. Hội đồng quản trị Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của NHNN và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 11. Vốn hoạt động của Ngân hàng

Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn sau:[23]

1. ***Vốn chủ sở hữu:***
   a. Vốn điều lệ;
   b. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;
   c. Thặng dư vốn cổ phần;
   d. Các quỹ: quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
   e. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
   f. Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của Ngân hàng.
2. ***Vốn huy động:***
   a. Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân; vốn huy động thông qua phát hành các loại giấy tờ có giá;
   b. Vốn nhận ủy thác đầu tư;
   c. Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước;
   d. Vốn vay NHNN Việt Nam;
3. ***Vốn khác theo quy định của pháp luật.***

Điều 12. Sử dụng vốn, tài sản[24]

Ngân hàng được quyền chủ động thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh.

Việc điều động vốn, tài sản nội bộ của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị.

[23] Điều 4 Nghị định 93/2017/NĐ-CP.
[24] Điều 6 Nghị định 93/2017/NĐ-CP.

Điều 13. Bảo đảm an toàn vốn[25]

1. ***Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:***
   a. Tỷ lệ khả năng chi trả;
   b. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
   c. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;
   d. Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
   e. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;
   f. Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh[26].
2. Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.
4. Mua bảo hiểm tài sản đối với các tài sản quy định phải mua bảo hiểm.
5. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật bảo hiểm tiền gửi, các quy định pháp luật khác có liên quan và công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở và chi nhánh[27].

Điều 14. Áp dụng can thiệp sớm đối với Ngân hàng[28]

1. Các trường hợp Ngân hàng được xem xét áp dụng can thiệp sớm nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 82 của Điều lệ này:
   a. Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 03 tháng liên tục;
   b. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 06 tháng liên tục;
   c. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Ngân hàng phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải điều chỉnh lại phương án khắc phục trong trường hợp nhận được văn bản yêu cầu điều chỉnh của Ngân hàng Nhà nước.

   Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa là 01 năm, kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước.

---

[25] Điều 130 Luật Các tổ chức tín dụng.
[26] Khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[27] Khoản 3, 4 Điều 8 Nghị Định 93/2017/NĐ-CP.
[28] Khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Phương án khắc phục bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:
   a. Thu hẹp nội dung, phạm vi hoạt động, hạn chế các giao dịch lớn;
   b. Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;
   c. Hạn chế chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận;
   d. Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; hạn chế trả thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;
   e. Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản lý, cắt giảm nhân sự;
   f. Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương 5

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 15. Vốn điều lệ hiện hành, cổ phần, cổ đông của Ngân hàng

1. Vốn điều lệ hiện hành của Ngân hàng là 29.076.321.320.000 đồng (Hai mươi chín nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ ba trăm hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).
2. Tổng số vốn điều lệ của Ngân hàng được chia thành nhiều cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
3. Ngân hàng có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được NHNN chấp thuận phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Ngân hàng là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Điều lệ.
5. Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phần khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành theo các quy định của pháp luật hiện hành. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng.
7. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép và Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị nhất trí thông qua bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định tại Điều lệ này.
8. Ngân hàng phải có tối thiểu 100 cổ đông (không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt và

đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định tại Chương 20 Điều lệ này và Mục 1đ Chương VIII của Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung)[29].

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Ngân hàng[30].

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ các trường hợp[31]:

a. Ngân hàng đang được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b. Sở hữu cổ phần của Ngân hàng tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Điều lệ này;

c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định theo quy định của pháp luật[32].

3. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó chỉ được sở hữu dưới 5% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng khác[33].

4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi (nếu có), khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với Nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng tối đa là 20%. Tỷ lệ này có thể được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan[34].

Điều 17. Cổ phiếu

1. ***Cổ phiếu của Ngân hàng bao gồm các thông tin chủ yếu sau[35]:***

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;

b. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;

c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

[29] Khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[30] Khoản 1 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng.
[31] Khoản 2 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng, Khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[32] Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP.
[33] Khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[34] Điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
[35] Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.

e. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;

f. Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng;

g. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;

h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng cấp cổ phiếu theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp. Cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài được phát hành dưới hình thức cổ phiếu có ghi tên.

3. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.

4. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng). Các cổ phần do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các cổ đông lớn sở hữu, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài phải được đăng ký.

5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu thì cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và cổ phiếu mới sẽ ghi nhận số cổ phần đã được chuyển nhượng và số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

6. Ngân hàng có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Ngân hàng.

7. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng phát hành cổ phiếu đó theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với Ngân hàng[36].

9. Các nội dung liên quan đến cổ phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần phổ thông phát hành thêm để tăng vốn phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Ngân hàng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Ngân hàng quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị

[36] Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng.

thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

2. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

4. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:
   a. Các giao dịch mua bán cổ phần của cổ đông lớn;
   b. Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang là cổ đông lớn trở thành cổ đông bình thường và ngược lại.

5. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được uỷ quyền hợp pháp của những người này ký. Cổ phiếu được coi là đã được chuyển nhượng khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 22 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Ngân hàng. Việc đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan được thực hiện trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu[37].

6. Trình tự thủ tục xin thay đổi cổ phần có ghi tên của cổ đông phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp một cổ đông bị chết việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

8. Trong trường hợp một cổ đông là tổ chức bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật làm chấm dứt hình thức tồn tại pháp lý thì quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông, tổ chức đó được thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng.

9. Ngân hàng phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Điều lệ của Ngân hàng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

[37] Khoản 7 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020.

10. Cổ đông cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ[38].

11. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:

a. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;

b. Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;

c. Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt[39].

12. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng được thực hiện theo quy định của NHNN.

13. Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần thực hiện theo quy định Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 19. Thu hồi cổ phần[40]

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng

[38] Khoản 1 Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng.
[39] Khoản 2 Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng, Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[40] Điều 10 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.

quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 20. Phát hành trái phiếu[41] và chứng chỉ chứng khoán khác

1. Ngân hàng có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi (là loại trái phiếu do Ngân hàng phát hành và có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng theo các điều kiện, điều khoản đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu), trái phiếu kèm chứng quyền (là loại trái phiếu được Ngân hàng phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu) và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Việc phát hành các loại trái phiếu của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định có liên quan của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền:

   a. Phải được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

   b. Trong phương án phát hành trái phiếu phải có nội dung về chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền như sau:

      i. Người mua trái phiếu phải đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và/hoặc thực hiện chứng quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền;

      ii. Việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho Ngân hàng tăng vốn điều lệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

   c. Hội đồng quản trị Ngân hàng quy định cụ thể các nội dung chưa được quy định chi tiết trong phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các nội dung khác liên quan đến việc phát hành trái phiếu.

4. Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

5. Khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và/hoặc thực

[41] Nghị định 153/2020/NĐ-CP, Thông tư 01/2021/TT-NHNN.

hiện chứng quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, Ngân hàng và người sở hữu trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

6. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Ngân hàng được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng[42].

Chương 6

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát[43]

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Ngân hàng gồm các cơ quan:

a. Đại hội đồng cổ đông;

b. Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát;

d. Tổng giám đốc;

e. Bộ máy giúp việc.

2. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Ban Kiểm soát quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của Bộ máy kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chương 7

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Sổ đăng ký cổ đông[44]

1. Ngân hàng lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Ngân hàng.

2. ***Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:***

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

---

[42] Điều 8 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[43] Điều 11 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[44] Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020.

e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Ngân hàng cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

6. ***Xác lập danh sách cổ đông:***

a. Ngân hàng quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với Ngân hàng trước thời điểm nói trên;

b. Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông.

Điều 23. Quyền của Cổ đông[45]

1. ***Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:***

a. Các quyền theo quy định tại *Điều 53 Luật các Tổ chức tín dụng*, cụ thể như sau:

i. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

ii. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

iii. Được chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;

iv. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông sở hữu trong Ngân hàng;

v. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

vi. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

vii. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

viii. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Ngân hàng sau khi Ngân hàng đã thanh toán các

[45] Điều 53 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;

ix. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

x. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

xi. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền theo quy định tại *khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp*, cụ thể như sau:

i. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;

ii. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

iii. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được theo quy định tại *khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp* nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định:

i. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

ii. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

iii. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ này.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết (nếu có) có các quyền theo quy định tại *khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.*

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có) có các quyền theo quy định tại *khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.*

Điều 24. Nghĩa vụ của cổ đông[46]

1. Cổ đông của ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

a. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng;

b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật[47];

d. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Ngân hàng;

e. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

ii. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

iii. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

[46] Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 13 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[47] Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định pháp luật.

f. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

g. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

h. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

i. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác và thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Ngân hàng.

j. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin/cung cấp thông tin không xác thực cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai/công khai không đúng chủ sở hữu thực sự.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông[48]

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn theo quyết định của Hội đồng Quản trị, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận;

[48] Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 139, Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 14 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Ngân hàng;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Ngân hàng của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại, mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. ***Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:***

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;

b. Số thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả trường hợp vi phạm về số thành viên độc lập, thành viên không phải là người điều hành của Ngân hàng tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này và/hoặc số lượng thành viên nhiệm kỳ đó đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

f. Theo yêu cầu của NHNN[49];

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế

[49] Điều 60 Luật Các tổ chức tín dụng.

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng đã yêu cầu có quyền đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện các công việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Điều lệ này.

9. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 26. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông[50]

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được

[50] Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.

cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo uỷ quyền;

d. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện và tỷ lệ sở hữu cổ phần được ủy quyền đại diện của từng người đại diện theo ủy quyền;

e. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông;

Ngân hàng phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

3. ***Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây***[51]:

a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;

c. Phê chuẩn/phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế/quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;

e. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;

h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

i. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;

j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;

k. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

[51] Khoản 2 Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng, Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.

l. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

m. Quyết định thành lập công ty con;

n. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

o. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;

q. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

r. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;

s. Chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

5. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề quy định tại điểm k và điểm l khoản 3 Điều này và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 28. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm e khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.

2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và theo mẫu của Ngân hàng và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và có chữ ký theo quy định sau đây:
   a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
   b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
   c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

   Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng).
3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
   a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
4. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng nếu Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại[52].

Điều 29. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này[53].
3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thông qua hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

[52] Điều 16 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[53] Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020.

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f và q khoản 3 Điều 27 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây[54]:

   a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

   b. Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, o và q khoản 3 Điều 27 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

   c. Đối với quyết định làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận[55].

   Đối với quyết định làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận.

Điều 30. Chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông[56]

1. ***Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:***

[54] Khoản 3 Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
[55] Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
[56] Điều 140 và Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, gồm:

i. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

ii. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

iii. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

iv. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

v. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

vi. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

vii. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

viii. Các công việc khác phục vụ đại hội.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này;

ii. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên;

iii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

iv. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. ***Mời họp Đại hội đồng cổ đông[57]:***

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ

[57] Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.

liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp (nếu có).

b. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu sử dụng thảo luận trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và phiếu biểu quyết.

c Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại điểm b khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 31. Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. ***Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông[58]:***

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này.

e. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã đủ điều kiện tiến hành nhưng (i) Đại hội đồng cổ đông không thông qua được chương trình họp; hoặc (ii) Đại hội đồng cổ đông không thông qua được nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; hoặc (iii) cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị dừng lại vì lý do bất khả kháng và không thông qua được việc tiếp tục tiến hành vào thời gian khác thì được xem là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã không đủ điều kiện tiến hành và được tính là một lần triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, các lần triệu tập họp tiếp theo tương tự theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này.

2. ***Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông[59]:***

[58] Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.
[59] Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 20 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.

a. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

c. Việc bầu Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

   i. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ toạ thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

   ii. Trừ trường hợp quy định trên, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

   iii. Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

   iv. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

d. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; Chương trình và nội dung họp có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ hoặc một phần và nếu chỉ thông qua được một phần thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành với một phần chương trình và nội dung được thông qua, phần nội dung không được thông qua sẽ được xem xét thông qua trong một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khác tiếp theo;

e. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua, phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp và phải bảo đảm:

   i. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   ii. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

   iii. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

f. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

g. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không thay đổi;

h. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

   i. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

   ii. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

i. Chủ toạ có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn/tạm dừng cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

   i. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

   ii. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

   iii. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

j. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại điểm i khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp (theo nguyên tắc quá bán, tức trên 51% tổng số phiếu biểu quyết) cho đến lúc kết thúc, tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

k. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

l. Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định pháp luật.

3. ***Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông[60]:***

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;

ii. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

iii. Chương trình và nội dung cuộc họp;

iv. Chủ toạ và thư ký;

v. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

vi. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

vii. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

ix. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ tiết (i) đến tiết (viii) điểm này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

c. Chủ toạ và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

e. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

[60] Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông[61]

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông.

3. ***Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:***

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

[61] Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
   c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
   e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng;
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Hiệu lực Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong quyết định đó[62].

Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN[63].

Điều 34. Hủy bỏ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông[64]

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở

[62] Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020.
[63] Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng.
[64] Điều 151, Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020.

lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ này;

b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương 8

ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC

Điều 35. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông[65].

2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao[66].

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình[67].

4. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng được Thống đốc NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận[68].

5. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng thực hiện theo các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và phải

[65] Khoản 1 Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.
[66] Khoản 1 Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng.
[67] Khoản 2 Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng.
[68] Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng.

báo cáo NHNN trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm các đối tượng kể trên[69].

6. Ngân hàng phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành Ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

Điều 36. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm[70]

1. ***Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:***
   a. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con của Ngân hàng:
      i. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
      ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang có án tích;
      iii. Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
      iv. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại Ngân hàng;
      v. Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam; trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng;
      vi. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của ngân hàng.
   b. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng:
      i. Thuộc đối tượng quy định tại điểm a của khoản này;
      ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
      iii. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

[69] Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng.
[70] Điều 33, Điều 34 Luật Các tổ chức tín dụng.

iv. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

v. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

vi. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;

vii. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng giám đốc của Ngân hàng.

viii. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng[71].

2. ***Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:***

a. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng:

i. Không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;

ii. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;

iii. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng; không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.

b. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng:

i. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

ii. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng;

iii. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

c. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên,

[71] Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.

Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác[72].

d. Các trường hợp khác không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 34 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD 2017).

3. ***Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm***[73]:

a. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này;

ii. Có đạo đức nghề nghiệp;

iii. Có bằng đại học trở lên[74];

iv. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của Ngân hàng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán[75].

v. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại điểm này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại khoản 4 của Điều này.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này;

ii. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng; không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó[76];

iii. Có đạo đức nghề nghiệp;

iv. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

v. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;

[72] Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[73] Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng (trừ khoản 2).
[74] Khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[75] Khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[76] Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

vi. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Ngân hàng, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng[77];

vii. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

c. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này;

ii. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng[78];

iii. Có đạo đức nghề nghiệp;

iv. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;

v. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của Ngân hàng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán[79];

vi. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

d. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này; đối với Phó Tổng giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

ii. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm: Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

iii. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. ***Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập***[80]:

a. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;

b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

[77] Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020.
[78] Điểm b khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.
[79] Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[80] Khoản 2 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.

c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 37. Công khai các lợi ích có liên quan[81]

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;

b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này[82].

Điều 38. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định; của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 163, Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

[81] Điều 39 Luật Các tổ chức tín dụng.
[82] Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

Điều 39. Đương nhiên mất tư cách[83]

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

b. Vi phạm quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 36 của Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt;

d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

e. Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

g. Hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm[84]

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;

b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;

c. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này;

d. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

e. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị), Ban kiểm soát (đối với thành viên Ban kiểm soát) trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

[83] Điều 35 Luật Các tổ chức tín dụng.
[84] Điều 36 Luật Các tổ chức tín dụng.

f. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 36, Điều 42 của Điều lệ này;

g. Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;

h. Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 41. Đình chỉ, tạm đình chỉ [85]

1. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành của Ngân hàng nếu xét thấy cần thiết.

2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành của Ngân hàng vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 36 của Điều lệ này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành của Ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Chương 9

CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

[85] Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 42. Quyền, Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành của Ngân hàng[86]

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng.
3. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.
4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.
7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Ngân hàng.
8. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.
9. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.
10. Các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này.

Điều 43. Tránh xung đột quyền lợi

1. Các Hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn các Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của ngân hàng, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
   a. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất (theo quy định của NHNN) thì

[86] Điều 38 Luật Các tổ chức tín dụng.

phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết[87].

b. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất (theo quy định của NHNN) thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết[88].

2. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các chức danh Người điều hành khác không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng hay của các Công ty con khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

Điều 44. Trách nhiệm và bồi thường

1. ***Trách nhiệm:***

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các chức danh Người điều hành khác phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các Quy chế nội bộ của Ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. ***Bồi thường:***

Ngân hàng sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng; đã thực hiện đúng các Quy định của pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

Chương 10

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ[89]

Điều 45. Thành phần và Nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

[87] Điểm q khoản 2 Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng.
[88] Khoản 10 Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng.
[89] Điều 43, Điều 62, 63, 64, 65 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.

2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên trong đó có tối thiểu một (01) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập[90].

3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này không được quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục[91].

5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ngân hàng phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN[92].

7. Sau khi cổ phiếu Ngân hàng đã niêm yết, việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

9. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:

   a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;

   b. Không làm thành viên Hội đồng quản trị quá 02 (hai) Tổ chức tín dụng tại Việt Nam;

   c. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

Điều 46. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

---

[90] Khoản 1 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng.
[91] Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 2 Điều 26 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[92] Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên Đại hội đồng cổ đông.
3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.
4. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc[93].
7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
8. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm o khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này.
10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này.
11. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
13. Trực tiếp giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan có giá trị từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng hoặc mức giá trị khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

[93] Khoản 16 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

14. Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

18. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

21. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng.

22. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng, gồm cả quyết định về giá.

23. Đề xuất việc phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.

24. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.

25. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con.

26. Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, liên kết độc lập của Ngân hàng.

27. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

28. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

29. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

30. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

31. Thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện các kiến nghị này[94].

[94] Điểm b khoản 2 Điều 65 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

32. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

33. Giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.

34. Quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản đối với khoản nợ có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh các tổn thất này theo quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[95].

35. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).

Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Ngân hàng.

Điều 47. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. ***Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:***
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
   e. Chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông;
   f. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
   g. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
   h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung;
   i. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
   j. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một

[95] Điểm a khoản 2 Điều 18 Thông tư 11/2021/TT-NHNN.

người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán;

k. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

l. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày;

m. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. ***Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:***

a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng.

b. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của ngân hàng.

c. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

e. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

g. Tham gia thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan có giá trị từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng hoặc mức giá trị khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

h. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

i. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

j. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 48. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao và tiền thưởng. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách được hưởng lương và tiền thưởng theo Quy chế tiền

lương của Ngân hàng. Tổng mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 49. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Ngân hàng tiến hành các thủ tục để bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho

Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 50. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. ***Các cuộc họp thường kỳ***

   Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

3. ***Các cuộc họp bất thường***

   Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

   a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
   b. Hai thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
   c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
   d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   e. Trưởng Ban kiểm soát;
   f. Hai phần ba (2/3) thành viên Ban kiểm soát trở lên;
   g. Giám đốc NHNN Chi nhánh TP. HCM.

4. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.

6. ***Thông báo và chương trình họp***

   Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác

định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác do Điều lệ này quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

7. ***Số thành viên tham dự tối thiểu***

Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền uỷ quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản.

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. ***Biểu quyết***

a. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng;

b. Theo quy định tại điểm c khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

c. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định Điều 153 và Điều 167 của Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

d. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ

khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

9. ***Công khai lợi ích:*** Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. ***Biểu quyết đa số:*** Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 1/2), bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và phiếu biểu quyết theo uỷ quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ toạ cuộc họp.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây[96]:
    a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
    b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 7 Điều này;
    c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
    d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
    e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định pháp luật.

    Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. ***Biên bản họp Hội đồng quản trị***:
    a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
        i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
        ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
        iii. Thời gian, địa điểm họp;
        iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
        v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
        vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

[96] Khoản 9 Điều 30 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.

vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

viii. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

ix. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

b. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ tiết (i) đến tiết (viii) điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.

e. Các nội dung khác liên quan đến biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

f. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

g. Ngân hàng quy định trong Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

Điều 51. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban để tư vấn, tham mưu Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có tối thiểu 02 Ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự[97]. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ủy ban khác để giúp Hội đồng quản trị phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, ... theo quy định pháp luật về chứng khoán[98]. Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy ban giúp việc.

[97] Khoản 6 Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng, Khoản 1 Điều 9 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
[98] Khoản 1 Điều 31 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.

3. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm và quy định chức năng, nhiệm vụ của Thư ký. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa Thư ký và Ngân hàng. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký bao gồm:
   a. Thông báo việc triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay của Ban kiểm soát;
   b. Ghi biên bản cuộc họp;
   c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
   d. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Cổ đông;
   e. Một số nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.

Điều 52. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. ***Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:***
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của ngân hàng;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến;
   e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về ngân hàng;
   g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về ngân hàng theo quy định của ngân hàng.
5. ***Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:***
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của ngân hàng;
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

6. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ngân hàng.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Chương 11

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 53. Tổng giám đốc[99]

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; đồng thời Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số thành viên của mình hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, bồi thường, các quyền lợi, nghĩa vụ và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật các Tổ chức Tín dụng, Quy định của NHNN. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại Báo cáo năm của Ngân hàng.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá 05 (năm) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

[99] Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Giúp việc cho Tổng giám đốc có (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh tương đương và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc.
5. Phó Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng giám đốc. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN[100].
2. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm ban giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng giám đốc bị cơ quan quản lý nhà nước xác định có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc điều hành hoạt động Ngân hàng đảm bảo ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm của Tổng giám đốc gửi NHNN giải quyết theo quy định hiện hành.
4. Trong thời gian Tổng giám đốc chưa được bổ nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Ngân hàng.
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc[101]

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

[100] Thông tư 22/2018/TT-NHNN.
[101] Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Ngân hàng, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.

Chương 12
BAN KIỂM SOÁT[102]

Điều 56. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác.
3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

[102] Điều 44, 45, 46, 47 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 37 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát giảm quá một phần ba (1/3) trên tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 57. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ[103].

4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Thẩm định báo cáo tài chính sáu (06) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

7. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

[103] Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

8. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này.
10. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
11. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này, của pháp luật (nếu có).

Điều 58. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

1. ***Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát[104]:***
   a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này.
   b. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
   c. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
   d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 57 Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
   e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
   f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
   g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
   h. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
   i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
   j. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
   k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, của pháp luật (nếu có).
2. ***Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát***
   a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.
   b. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.

[104] Điều 46 Luật Các tổ chức tín dụng.

c. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

d. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

e. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

f. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.

g. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

h. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, của pháp luật (nếu có).

3. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không phải là cổ đông được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức thù lao, thù lao công vụ của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các thành viên Ban kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban kiểm soát và số chi phí công vụ mà mỗi thành viên Ban kiểm soát đã nhận được nêu chi tiết trong báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Hội đồng quản trị phải đảm bảo rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN[105].

2. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có thành viên Ban kiểm soát là cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một thành viên đảm bảo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát và đề nghị Hội đồng quản

[105] Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.

3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban kiểm soát còn lại không phải là cổ đông, trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban kiểm soát), Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định số thành viên Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và bầu thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

5. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban kiểm soát trên tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 60. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. ***Cuộc họp thường kỳ:*** Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

2. ***Cuộc họp Bất thường:*** Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
   b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
   c. Trưởng Ban kiểm soát;
   d. Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;
   e. Tổng giám đốc hoặc những người khác do Điều lệ quy định;
   f. Giám đốc NHNN Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e, f của khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp

Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, trình NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm theo đúng quy định hiện hành[106], hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

4. ***Địa điểm họp:*** Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đăng ký của Ngân hàng.

5. ***Thông báo và Chương trình họp:*** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (5) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.

6. ***Số thành viên tham dự yêu cầu:*** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban Kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

7. ***Biểu quyết***:
   a. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
   b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
   c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ

[106] Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

d. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong *khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp* hoặc các nội dung tương tự tại những văn bản kế thừa Luật này và các văn bản hướng dẫn khác sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

8. ***Tuyên bố quyền lợi:*** Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. ***Biểu quyết đa số:*** Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

10. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

11. ***Biên bản:*** Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ toạ cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Chương 13
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG

Điều 61. Cơ cấu tổ chức mạng lưới của Ngân hàng[107]

[107] Điều 30 Luật các tổ chức tín dụng.

1. ***Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng bao gồm các thành phần sau:***
   a. Trụ sở chính (Hội sở);
   b. Các chi nhánh, các phòng giao dịch văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp, các công ty con;
2. Ngân hàng được phép mở các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, các công ty con khi có nhu cầu theo quy định của NHNN. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 62. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng

Trụ sở chính bao gồm các thành phần sau:

1. Hội đồng quản trị;
2. Ban kiểm soát;
3. Tổng giám đốc.

Điều 63. Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc

1. Các Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương;
2. Kế toán trưởng;
3. Các Phòng, Ban, Bộ phận trực thuộc;

Chương 14

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 64. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các Cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được uỷ quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập , biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ khác theo quy định của pháp luật

tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Điều lệ sẽ được công bố trên Website của Ngân hàng.

Chương 15

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 65. Người lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc trong thẩm quyền của mình ban hành hoặc xây dựng để trình HĐQT ban hành các văn bản, quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với tổ chức Công đoàn.

Chương 16

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 66. Cổ tức[108]

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức sẽ được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các Cổ đông, chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau:

   a. Tên Ngân hàng và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;

   b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

   c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

   d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

[108] Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020.

e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

f. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

3. Ngân hàng sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

4. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Ngân hàng đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản tại ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp.

5. Những người đã chính thức đăng ký giữ cổ phiếu hoặc các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, khoản chia, thông báo hoặc tài liệu.

6. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian từ ngày kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức đến ngày trả cổ tức, thì người chuyển nhượng sẽ là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.

Chương 17

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ, HỆ THỐNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 67. Hệ thống kiểm toán nội bộ[109]

1. Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng và trực thuộc, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc của Ngân hàng.

[109] Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 68. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ

1. ***Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau[110]:***
   a. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan;
   b. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có bằng đại học trở lên về ngành công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành phù hợp đối với kiểm toán viên công nghệ;
   c. Có kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu là 02 năm; có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên công nghệ;
   d. Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin;
   e. Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
   f. Các tiêu chuẩn khác do Ngân hàng quy định.

   Ngoài các điều kiện tiêu chuẩn nói trên, Trưởng Kiểm toán nội bộ và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ phải có kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu là 03 (ba) năm.

2. ***Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của Kiểm toán nội bộ[111]***

   Trưởng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng do Ban kiểm soát Ngân hàng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

   Phó trưởng Kiểm toán nội bộ và các chức danh khác của Kiểm toán nội bộ do Ban kiểm soát bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Kiểm toán nội bộ.

Điều 69. Trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán nội bộ[112]

1. Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng trình Ban kiểm soát xem xét, phê duyệt sau khi báo cáo Hội đồng quản trị.
2. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
3. Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của Ngân hàng (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng. Đối với tất cả những vấn đề có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hàng, kiểm toán nội bộ cần thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động của Ngân hàng và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này.

[110] Khoản 2 Điều 66 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
[111] Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.
[112] Điều 18 Thông tư 44/2011/TT-NHNN.

4. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
5. Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.
6. Lập báo cáo kiểm toán; thông báo và đệ trình kịp thời các kết quả kiểm toán nội bộ cho các bên hữu quan trong và ngoài Ngân hàng theo đúng các chính sách, quy trình, quy định của Ngân hàng và theo pháp luật.
7. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động ngân hàng.
8. Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác kiểm toán nội bộ.
9. Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo một cách liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.
10. Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Thanh tra NHNN nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.
11. Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với kiểm toán nội bộ[113].
12. Tư vấn cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành; quy trình nhận dạng, đo lường đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ.
13. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành, quy định của Điều lệ và của Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.
14. Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
15. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các đơn vị, bộ phận thuộc Ngân hàng.

Điều 70. Quyền hạn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ

[113] Điểm d khoản 2 Điều 68 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

1. Được trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) cần thiết.
2. Được chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
3. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ.
4. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, các tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ.
5. Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
6. Được tham dự và được nhận các biên bản họp của ban lãnh đạo có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
7. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
8. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.

Điều 71. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ[114]

1. Ngân hàng thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ giúp Tổng giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
3. Cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ, tại tất cả các đơn vị, bộ phận của Ngân hàng.
4. Ngân hàng thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các công ty con.

Điều 72. Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ[115]

1. Mọi rủi ro có nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của Ngân hàng đều phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá một cách thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp quản lý rủi ro thích hợp. Mỗi khi có sự thay đổi về các mục tiêu kinh doanh, các sản phẩm, dịch vụ và các hoạt động kinh doanh mới, Ngân hàng phải rà soát, nhận dạng các rủi ro liên quan để xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, quy trình, quy định kiểm tra, kiểm soát nội bộ phù hợp.

[114] Điều 5 Thông tư 44/2011/TT-NHNN.
[115] Điều 4 Thông tư 44/2011/TT-NHNN.

2. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ là một phần không tách rời của các hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ, tại tất cả các đơn vị, bộ phận của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, của NHNN và quy định nội bộ.

3. Cơ chế phân cấp ủy quyền phải được thiết lập, thực hiện một cách hợp lý, cụ thể, rõ ràng, tránh các xung đột lợi ích; đảm bảo một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chồng chéo với nhau; đảm bảo mọi cán bộ trong Ngân hàng không có điều kiện để thao túng hoạt động, bưng bít thông tin phục vụ các mục đích cá nhân hoặc che dấu các hành vi vi phạm quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

4. Đảm bảo chấp hành chế độ hạch toán, kế toán theo quy định và phải có hệ thống thông tin nội bộ về tài chính, về hoạt động, về tình hình tuân thủ trong Ngân hàng và tình hình kinh tế, thị trường bên ngoài hợp lý, tin cậy, kịp thời nhằm phục vụ cho công tác quản trị, điều hành có hiệu quả.

5. Hệ thống thông tin, tin học của Ngân hàng phải được giám sát, bảo vệ một cách hợp lý, an toàn và phải có cơ chế quản lý dự phòng độc lập (back-up) nhằm xử lý kịp thời những tình huống bất ngờ như thiên tai, cháy, nổ… để đảm bảo hoạt động kinh doanh thường xuyên, liên tục của Ngân hàng.

6. Ngân hàng ban hành các quy định nội bộ về trách nhiệm của cán bộ, nhân viên Ngân hàng trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động kiểm soát của trụ sở chính của Ngân hàng đối với chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác phải đảm bảo[116]:

   a. Trụ sở chính giám sát, kiểm soát được các giao dịch, hoạt động của chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác, bao gồm cả việc giám sát, kiểm soát thông qua cá nhân, bộ phận thực hiện hoạt động kiểm soát tại chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác;
   b. Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế báo cáo, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, luân chuyển cán bộ và cơ chế khác để đảm bảo tính độc lập, không xung đột lợi ích của cá nhân, bộ phận thực hiện hoạt động kiểm soát tại chi nhánh, đơn vị phụ thuộc đối với cá nhân, bộ phận khác của chi nhánh, đơn vị phụ thuộc;
   c. Có cơ chế cho phép khách hàng tra soát, kiểm tra, đối chiếu giao dịch thực hiện tại chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác với trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 73. Chế độ Tài chính[117]

1. Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

[116] Khoản 2 Điều 15 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
[117] Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Báo cáo quyết toán hàng năm phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và của NHNN, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Số liệu trong báo cáo phải đảm bảo tính trung thực, khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng cho đến thời điểm lập báo cáo.

Điều 74. Sử dụng Vốn

1. Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng được điều động vốn và tài sản giữa các công ty con có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập.

Điều 75. Mua, đầu tư vào tài sản cố định[118]

Ngân hàng được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng.

Điều 76. Các Quỹ Dự trữ

Ngân hàng được trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ Ngân hàng;
2. Quỹ dự phòng tài chính;
3. Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng không được dùng các quỹ nói trên để trả cổ tức cho cổ đông hoặc phân chia lợi nhuận cho các cổ đông.

Điều 77. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 78. Kế toán và Thuế[119]

1. Ngân hàng thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
2. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

[118] Điều 140 Luật Các tổ chức tín dụng.
[119] Điều 137, Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Ngân hàng phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.

4. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

Chương 18

BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 79. Báo cáo Tài chính, Báo cáo thường niên[120]

1. Ngân hàng lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc NHNN, các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Ngân hàng phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

6. ***Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:***
   a. Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng;
   b. Thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng;
   c. Thay đổi tên chi nhánh của Ngân hàng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước[121].

[120] Điều 141 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 56 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[121] Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

7. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng nộp NHNN các Báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.

8. Ngân hàng phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 80. Công bố và Thông báo[122]

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như phải được công bố trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán về công bố thông tin.

Chương 19

KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 81. Kiểm toán độc lập[123]

1. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

3. Ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.

4. Tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng sẽ kiểm tra, xác nhận tính trung thực và báo cáo trên cơ sở Báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Ngân hàng và phải chuẩn bị Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

5. Kiểm toán viên của Tổ chức kiểm toán độc lập sẽ được phép tham dự bất kỳ Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo, thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.

6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

---

[122] Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 56 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[123] Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

Chương 20

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 82. Kiểm soát đặc biệt[124]

1. ***Các trường hợp Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt***:

   a. Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

   b. Khi số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 50% giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

   c. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Điều lệ này trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian sáu (06) tháng liên tục.

   d. Xếp hạng yếu kém trong hai (02) năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.

3. Dư nợ gốc, lãi của khoản cho vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với Ngân hàng được chuyển thành dư nợ cho vay đặc biệt kể từ ngày có Quyết định của Ngân hàng Nhà nước đặt Ngân hàng vào kiểm soát đặc biệt.

4. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng hoặc để hỗ trợ Ngân hàng phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt, Ngân hàng có thể được Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt theo quy định của pháp luật.

5. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Ngân hàng, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của Ngân hàng trong trường hợp sau:

   a. Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;

   b. Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.

---

[124] Điều 145, Điều 145a và Điều 146d Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng).

Điều 83. Trách nhiệm của Ngân hàng, Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt[125]

1. Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:

a. Thuê tổ chức kiểm toán độc lập rà soát, đánh giá thực trạng tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ với các nội dung cụ thể theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt để tự đánh giá tổng thể thực trạng của Ngân hàng; gửi kết quả tự đánh giá và đề xuất chủ trương cơ cấu lại Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

b. Sau khi đã có quyết định chủ trương cơ cấu lại Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt của cấp có thẩm quyền, theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt phải xây dựng phương án cơ cấu lại (phương án phục hồi/phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần/phương án giải thể/phương án chuyển giao bắt buộc/phương án phá sản). Việc xây dựng phương án cơ cấu lại và nội dung phương án cơ cấu lại phải đảm bảo tuân thủ các quy định có liên quan tại Mục 1, 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ và 1e Chương VIII Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

c. Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại và biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt;

d. Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 146a Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);

e. Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:

a. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;

b. Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng.

Điều 84. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt[126]

Ngân hàng được chấm dứt kiểm soát đặc biệt bởi quyết định của NHNN trong các trường hợp sau:

[125] Điều 146c Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng), Mục 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ và 1e Chương VIII Luật Các tổ chức tín dụng (đã được bổ sung bởi Khoản 28 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng).
[126] Điều 145b Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng).

1. Ngân hàng khắc phục được tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 13 của Điều lệ này;
2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;
3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản Ngân hàng.

Điều 85. Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt[127]

1. Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt thực hiện hoạt động kinh doanh theo phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quyết định, trừ một số hoạt động kinh doanh bị Ban kiểm soát đặc biệt đình chỉ vì có thể gia tăng rủi ro cho Ngân hàng hoặc không phù hợp với phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.
2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt không phải tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng, tỷ lệ đảm bảo an toàn, dự phòng rủi ro và mua, đầu tư vào tài sản cố định theo quy định tại Điều lệ này và tại các Điều 128, 130, 131 và 140 của Luật Các Tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) mà thực hiện theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể; trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm (chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm) thì mức trích lập dự phòng rủi ro tối thiểu bằng mức chênh lệch thu chi.
3. Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.
4. Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi, phí tham gia Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.
5. Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.
6. Số lượng thành viên, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

   Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hết nhiệm kỳ mà Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt chưa bầu, bổ nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hiện tại tiếp tục thực hiện việc quản trị, kiểm soát Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[127] Điều 146đ Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng).

Điều 86. Tổ chức lại Ngân hàng[128]

1. Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
2. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại Ngân hàng theo quy định của NHNN.

Điều 87. Phá sản Ngân hàng

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Ngân hàng vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì Ngân hàng phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về phá sản.
3. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản của Ngân hàng[129].

Điều 88. Giải thể Ngân hàng

Ngân hàng giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
3. Bị thu hồi Giấy phép.

Điều 89. Thanh lý tài sản của Ngân hàng

1. Trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.
2. Khi giải thể theo Điều 88 của Điều lệ này, Ngân hàng tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định.
3. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Ngân hàng hoặc sau khi có quyết định giải thể Ngân hàng, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn

[128] Điều153 Luật Các tổ chức tín dụng.
[129] Khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng.

trong số nhân viên của Ngân hàng hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

   a. Các chi phí thanh lý;

   b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

   c. Nợ thuế;

   d. Các khoản nợ khác của Ngân hàng;

   e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 90. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Ngân hàng theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương 21

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 91. Giải quyết tranh chấp Nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng hay tới quyền của các Cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các Tổ chức tín dụng và các Văn bản bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:

   a. Cổ đông với Ngân hàng; hoặc

   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Cán bộ Quản lý cao cấp khác.

2. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị,

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi mốt (21) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

3. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của hoà giải viên không được các bên chấp nhận, các bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền giải quyết.

4. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Chương 22

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 92. Thông tin

1. Ngân hàng thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Ngân hàng.

2. Ngân hàng được trao đổi thông tin với Tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng, phù hợp với quy định pháp luật.

3. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Ngân hàng.

Điều 93. Nghĩa vụ Bảo mật

1. Nhân viên của Ngân hàng và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia, bí mật kinh doanh của Ngân hàng và bí mật tài khoản của khách hàng mà mình biết, trừ trường hợp theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.

2. Ngân hàng được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng bằng văn bản.

Chương 23

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 94. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế các Điều lệ, các Văn bản bổ sung Điều lệ đã được ban hành trước đó.

2. Các bản sao hoặc trích lục của bản Điều lệ này thực hiện theo quy định của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.
4. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định thông qua. Trong trường hợp có sự thay đổi hoặc có những quy định mới về những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định pháp luật mới cho phép Điều lệ được quy định khác, phù hợp với khung quy định mới thì những điều khoản trong Điều lệ này được áp dụng ./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm 2023

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0300608092 - C.T.C.P. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

KIM BYOUNGHO

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ HDBANK

ĐIỀU LỆ 1

PHẦN MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1 1

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1

Điều 1. Định nghĩa 1

CHƯƠNG 2 5

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG 5

Điều 2. Tên, địa chỉ, hình thức, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và con dấu của Ngân hàng 5

CHƯƠNG 3 6

MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, PHẠM VI 6

VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG 6

Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng 6

Điều 4. Phạm vi hoạt động 6

Điều 5. Nội dung hoạt động của Ngân hàng 6

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần 8

Điều 7. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý 9

Điều 8. Bảo đảm an toàn 10

CHƯƠNG 4 10

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG 10

Điều 9. Vốn điều lệ 10

Điều 10. Thay đổi Vốn Điều lệ 10

Điều 11. Vốn hoạt động của Ngân hàng 11

Điều 12. Sử dụng vốn, tài sản 11

Điều 13. Bảo đảm an toàn vốn 12

Điều 14. Áp dụng can thiệp sớm đối với Ngân hàng 12

CHƯƠNG 5 13

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN 13

VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 13

Điều 15. Vốn điều lệ hiện hành, cổ phần, cổ đông của Ngân hàng 13

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần 14

Điều 17. Cổ phiếu 14

Điều 18. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần 15

Điều 19. Thu hồi cổ phần 17

Điều 20. Phát hành trái phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác 18

CHƯƠNG 6 ..... **19**

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ **19**

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát *19*

CHƯƠNG 7 ..... **19**

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **19**

Điều 22. Sổ đăng ký cổ đông *19*

Điều 23. Quyền của Cổ đông *20*

Điều 24. Nghĩa vụ của cổ đông *22*

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông *23*

Điều 26. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông *25*

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông *25*

Điều 28. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông *27*

Điều 29. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông *28*

Điều 30. Chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông *29*

Điều 31. Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông *31*

Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông *35*

Điều 33. Hiệu lực Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông *36*

Điều 34. Hủy bỏ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông *36*

CHƯƠNG 8 ..... **37**

ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC **37**

Điều 35. Nhiệm vụ chung *37*

Điều 36. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm *38*

Điều 37. Công khai các lợi ích có liên quan *42*

Điều 38. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc *42*

Điều 39. Đương nhiên mất tư cách *43*

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm *43*

Điều 41. Đình chỉ, tạm đình chỉ *44*

CHƯƠNG 9 ..... **44**

CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG **44**

Điều 42. Quyền, Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành của Ngân hàng *45*

Điều 43. Tránh xung đột quyền lợi *45*

Điều 44. Trách nhiệm và bồi thường *46*

CHƯƠNG 10 ..... **46**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **46**

Điều 45. Thành phần và Nhiệm kỳ 46
Điều 46. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 47
Điều 47. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị 50
Điều 48. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị 51
Điều 49. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị. 52
Điều 50. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 53
Điều 51. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị 56
Điều 52. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản 57
CHƯƠNG 11 ..... **58**
TỔNG GIÁM ĐỐC **58**
Điều 53. Tổng giám đốc 58
Điều 54. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc 59
Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc 59
CHƯƠNG 12 ..... **60**
BAN KIỂM SOÁT **60**
Điều 56. Thành phần và nhiệm kỳ 60
Điều 57. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát 61
Điều 58. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát 62
Điều 59. Thay thế thành viên Ban kiểm soát 63
Điều 60. Cuộc họp của Ban kiểm soát 64
CHƯƠNG 13 ..... **66**
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG **66**
Điều 61. Cơ cấu tổ chức mạng lưới của Ngân hàng 66
Điều 62. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng 67
Điều 63. Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc 67
CHƯƠNG 14 ..... **67**
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG **67**
Điều 64. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 67
CHƯƠNG 15 ..... **68**
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN **68**
Điều 65. Người lao động và công đoàn 68
CHƯƠNG 16 ..... **68**
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN **68**
Điều 66. Cổ tức 68
HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ, HỆ THỐNG KIỂM TRA **69**
KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, ... **69**
HỆ THỐNG KẾ TOÁN **69**
Điều 67. Hệ thống kiểm toán nội bộ 69
Điều 68. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ 70

Điều 69. Trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán nội bộ *70*
Điều 70. Quyền hạn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ *71*
Điều 71. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ *72*
Điều 72. Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ *72*
Điều 73. Chế độ Tài chính *73*
Điều 74. Sử dụng Vốn *74*
Điều 75. Mua, đầu tư vào tài sản cố định *74*
Điều 76. Các Quỹ Dự trữ *74*
Điều 77. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng *74*
Điều 78. Kế toán và Thuế *74*
CHƯƠNG 18 ..... **75**
BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, ... **75**
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG **75**
Điều 79. Báo cáo Tài chính, Báo cáo thường niên *75*
Điều 80. Công bố và Thông báo *76*
CHƯƠNG 19 ..... **76**
KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG **76**
Điều 81. Kiểm toán độc lập *76*
CHƯƠNG 20 ..... **77**
KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG **77**
VÀ THANH LÝ **77**
Điều 82. Kiểm soát đặc biệt *77*
Điều 83. Trách nhiệm của Ngân hàng, Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt *78*
Điều 84. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt *78*
Điều 85. Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt *79*
Điều 86. Tổ chức lại Ngân hàng *80*
Điều 87. Phá sản Ngân hàng *80*
Điều 88. Giải thể Ngân hàng *80*
Điều 89. Thanh lý tài sản của Ngân hàng *80*
Điều 90. Gia hạn hoạt động *81*
CHƯƠNG 21 ..... **81**
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ **81**
Điều 91. Giải quyết tranh chấp Nội bộ *81*
CHƯƠNG 22 ..... **82**
THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT **82**
Điều 92. Thông tin *82*
Điều 93. Nghĩa vụ Bảo mật *82*
CHƯƠNG 23 ..... **82**

NGÀY HIỆU LỰC **82**
Điều 94. Ngày hiệu lực *82*